Biểu mẫu 01

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT CHU VĂN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ..43../..CVA

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2026

V/v kê khai giá
dịch vụ giáo dục

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ giáo dục (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/08/2026

Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHU VĂN AN

Phạm Ngọc Duy Ly

- Họ tên người nộp Văn bản: Đặng Thị Bạch Tuyết
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Số 7, đường số 1, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân
- Số điện thoại liên lạc: 0932043643
- Email: dangtuyet1988@gmail.com

Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá :
.....
.....
.....
.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT CHU VĂN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 202(

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

1. Mức giá kê khai (đơn vị tính: đồng/học sinh/năm học):

STT	Tên dịch vụ giáo dục	Đơn vị tính	Mức giá kê khai năm học 2025-2026	Mức giá kê khai năm học 2026-2027	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm	Thuyết minh về việc tăng/giảm giá
I	**Mức thu học phí**						
1	Lớp 1	đồng	7,850,000	7,850,000			
2	Lớp 2	đồng	8,900,000	8,900,000			
3	Lớp 3	đồng	8,900,000	8,900,000			
4	Lớp 4	đồng	8,900,000	8,900,000			
5	Lớp 5	đồng	8,900,000	8,900,000			
6	Lớp 6	đồng	14,650,000	14,650,000			
7	Lớp 7	đồng	15,700,000	15,700,000			
8	Lớp 8	đồng	16,750,000	16,750,000			
9	Lớp 9	đồng	17,800,000	17,800,000			
10	Lớp 10	đồng	18,800,000	18,800,000			
11	Lớp 11	đồng	24,600,000	24,600,000			
12	Lớp 12	đồng	31,400,000	31,400,000			
II	**Giá dịch vụ khác**						
1	Bán trú	đồng	18,385,000	18,385,000			
2	Nội trú	đồng	65,757,000	65,757,000			

2. Mức thu học phí **không bao gồm** (giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo gồm giá dịch vụ tuyển sinh; giá các dịch vụ hỗ trợ trong hoạt động giáo dục và đào tạo (bán trú, nội trú, …).

3. Đề nghị các đơn vị tách riêng mức thu học phí và giá các dịch vụ khác (vd: tuyển sinh, nội trú, bán trú, …) để thực hiện kê khai theo mẫu trên.

4. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ giáo dục trong việc thực hiện kê khai giá.

Nhà trường không tăng học phí và các khoản dịch vụ khác trong năm học 2026 – 2027 so với năm học 2025 – 2026 .

5. Các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu:

- Giảm 20% học phí cho học sinh thuộc hộ nghèo.
- Giảm 20% học phí cho học sinh thuộc người dân tộc.
- Giảm 20% học phí cho học sinh có anh chị em ruột học chung trường.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/08/2026

Ghi chú: Mức giá kê khai là mức giá dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm theo Bảng xây dựng hình thành mức giá dịch vụ giáo dục.